TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 37/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 28-11-2017.
V/v "Không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Huy Thông

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thu

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu – Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân huyện QL tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại hội trường Tòa án huyện QL, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2017/TLST- HNGĐ ngày 09/10/2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2017/QĐXX- ST ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Đức Q, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Xóm 1 ĐT, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Có mặt

- Bị đơn: Chị Tạ Thị H, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Xóm 1 ĐT, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2017, và các lời khai tại Tòa án cũng như quá trình tố tụng tại phiên tòa nguyên đơn anh Phan Đức Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị Tạ Thị H đăng ký kết hôn với nhau vào tháng 2/1990 tại UBND xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ An. Do thời tiết mưa nên hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và vợ chồng về chung sống với nhau từ tháng 2/1990. Vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc đến cuối năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp, vợ chồng không cùng chí hướng để xây dựng gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2014 đến nay. Hay bên gia đình

và chính quyền địa phương đã hòa giải đoàn tụ nhưng anh Q và chị H không thể hàn gắn tình cảm lại được với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung với nhau được nữa nên anh Q xin được ly hôn chị Tạ Thị H.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2017 bị đơn chị Tạ Thị H trình bày:

Chị H thống nhất với lời khai của anh Q về địa điểm, thời gian đăng ký kết hôn, việc bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn, thời gian vợ chồng mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hoàn cảnh kinh tế khó khăn dẫn đến cãi vã, chị nghi ngờ anh Q ngoại tình. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Hai bên gia đình, chính quyền địa phương đã hòa giải đoàn tụ nhưng chị và anh Q không thể hàn gắn lại với nhau được. Nay tình cảm giữa chị và anh Q không còn anh Q xin ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Phan Đức Q và chị Tạ Thị H thống nhất trình bày:

Vợ chồng có 05 con chung là Phan Thị T sinh ngày 20/8/1991, Phan Thị H1 sinh ngày 20/5/1992, Phan Thị K sinh ngày 05/01/1998, Phan Thị Tr sinh ngày 10/6/2000, Phan Đức M sinh ngày 20/9/2002. Các con chung là Phan Thị T, Phan Thị H1, Phan Thị K đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ly hôn anh Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là Phan Đức M, nhường quyền trực tiếp nuôi con chung là Phan Thị Tr cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay hai cháu là Phan Thị Tr và Phan Đức M đang ở với anh Q. Anh không cấp dưỡng nuôi con vì chị H không yêu cầu và anh Q cũng không yêu cầu chị Tạ Thị H cấp dưỡng nuôi con.

Ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung là Hồ Thị Tr và Phan Đức M. Chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Ba con chung là Phan Thị T, Phan Thị H1, Phan Thị K đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Phan Thị Tr và cháu Đậu Đức M có nguyện vọng: Nếu anh Q và chị H ly hôn cháu Tr và cháu M đều có nguyện vọng ở với mẹ.

Về tài sản chung: Anh Phan Đức Q và chị Tạ Thị H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 16/10/2017 UBND xã QT cho biết hiện nay UBND không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn nên không có cơ sở để xác nhận anh Q và chị H đăng ký kết hôn vào thời gian nào. Gia đình anh Q và chị H trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng hay cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, UBND xã đã hòa giải nhưng không thành, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Phan Đức Q và chị Tạ Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung Phan Thị Tr, sinh ngày 10/6/2000 và Phan Đức M, sinh ngày 20/9/2002 cho anh Phan Đức Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H vì không ai có yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Các con chung là Phan Thị T, Phan Thị H1, Phan Thị K đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Q, chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Anh Phan Đức Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị Tạ Thị H. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó cần áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Tạ Thị H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của anh Q và chị H và qua xác minh tại UBND xã QT về việc đăng ký kết hôn của anh Phan Đức Q và chị Tạ Thị H, có căn cứ khẳng định anh Phan Đức Q và chị Tạ Thị H có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị H đi làm xa, kinh tế gia đình không có dẫn đến vợ chồng hay cãi vã, vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau. Nay anh Q và chị H không còn tình cảm với nhau và xin ly hôn. Do đó, cần áp dụng Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Đức Q và chị Tạ Thị H.

[3] Về con chung: Anh Phan Đức Q và chị Tạ Thị H trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng có 5 con chung là Phan Thị T sinh ngày 20/8/1991, Phan Thị H1 sinh ngày 20/5/1992, Phan Thị K sinh ngày 05/01/1998, Phan Thị Tr sinh ngày 10/6/2000, Phan Đức M sinh ngày 20/9/2002. Các con chung là Phan Thị T, Phan Thị H1, Phan Thị K đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét nguyện vọng của anh Q, chị H về nuôi con là chính đáng. Hiện nay hai cháu Tr và cháu M đang do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, được ăn học đầy đủ. Hai cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Nhưng xét chị H thường xuyên đi làm ăn xa, vắng nhà thường xuyên nên không đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con. Do đó giao cả hai con chung cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Tạ Thị H vì anh Q không yêu cầu.

Chị Tạ Thị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh Phan Đức Q và chị Tạ Thị H đều không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Anh Phan Đức Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử: Không công nhận anh Phan Đức Q và chị Tạ Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung Phan Thị Tr, sinh ngày 10/6/2000 và Phan Đức M, sinh ngày 20/9/2002 cho anh Phan Đức Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H vì anh Q không yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Các con chung là Phan Thị T, Phan Thị H1, Phan Thị K đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Q, chị H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Anh Phan Đức Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện QL theo biên lai số 0004757 ngày 09/10/2017.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Anh Sơn

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKS ND huyện Q.Lưu
- THADS
- Lưu VP, HS.
- UBND QT